

Bản án số: 741/2025/HSST

Ngày: 25-11-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn.

Thẩm phán: Ông Sỹ Hồng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

2/ Bà Phạm Thị Thanh Mẫn.

3/ Bà Võ Thị Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Nguyễn Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 951/2025/HSST ngày 21/10/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6455/2025/QĐXXST-HS ngày 03/11/2025, đối với bị cáo:

1. Nguyễn Tấn Đ; giới tính: nam; sinh ngày 20 tháng 01 năm 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: D5/26 J, ấp D, xã V, huyện B (nay là xã V), Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở trước khi bị bắt: không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ văn hoá: 10/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 và bà Đỗ Thị Ánh H, sinh năm 1961; bị cáo sống chung như vợ chồng với Trần Thị Cẩm T1, sinh năm 1998 và có 03 người con (con lớn nhất, sinh năm 2016 và con nhỏ nhất, sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Theo Bản án số 253/HSST ngày 27/8/2003, của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; theo Bản án 2007/HSST ngày 30/10/2003, của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; tại Bản án số 685/HSPT, ngày 26/3/2004 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp với Bản án số 253/HSST ngày 27/8/2003, buộc chấp hành hình phạt chung

của hai bản án là: 04 năm 06 tháng tù, Nguyễn Tấn Đ chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/11/2006; theo Bản án số 131/2007/HSST ngày 25/7/2007, của Tòa án nhân dân Quận 11 đã xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, đã thi hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 19/10/2023 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn Đ: Bà Lê Thị Minh N, luật sư thuộc Công ty L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Đức T2; giới tính: Nam; sinh ngày 27 tháng 4 năm 1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú và chỗ ở: Số E H, phường T, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; trình độ văn hoá: 6/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn T3 (đã chết) và bà Trịnh Thị N1, sinh năm 1948; bị cáo có vợ là Khổng Thị Minh T4, sinh năm 1986 và có 02 người con (con lớn ,sinh năm 2010 và con nhỏ, sinh 2015); tiền sự: Không;

Tiền án: Theo Bản án số 41/2016/HSST ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/02/2018; theo Bản án số 28/2019/HSST ngày 28/9/2019, của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong toàn bộ hình phạt ngày 19/02/2023.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 19/10/2023 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T2: Ông Lê Thành P, luật sư thuộc Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Trần Thị Hồng Đ1; giới tính: Nữ; sinh ngày 21 tháng 8 năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 1 T, Phường A, Quận F (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở trước khi bị bắt: không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 10/12; nghề nghiệp: Không; con ông Trần Văn Đ2, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Hồng N2, sinh năm 1960; bị cáo có chồng là Nguyễn Anh T5, sinh năm 1981 và có 4 người con (con lớn nhất, sinh năm 2011 và con nhỏ nhất, sinh năm 2019); tiền sự: không;

Tiền án: Theo Bản án sơ thẩm số 290/2021/HS-ST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) đã xử phạt 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 01 năm 06 tháng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt là 06 năm 06 tháng tù, bị cáo Trần Thị Hồng Đ1 chưa chấp hành bản án.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 19/10/2023 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Hồng Đ1: Ông Hoàng Văn Q, luật sư thuộc Công ty L2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Ánh H1, sinh năm 1983; nơi cư trú: A N, phường V, Quận C (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 19/10/2023, tại trước số C V, Ấp C, xã V, huyện B, Nguyễn Tấn Đ bị Tổ công tác Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra, thu giữ: 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 99,99 gam, loại Methamphetamine. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Đ, tại phòng 406, khách sạn T7, số A đường C, phường S, quận T, thu giữ: 08 gói nylon chứa tinh thể không màu, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 437,28 gam loại Methamphetamine.

Mở rộng điều tra, vào khoảng 23 giờ ngày 19/10/2023, Công an huyện B khám xét chỗ ở của Nguyễn Đức T2, tại số E H, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ: 02 điện thoại di động hiệu Iphone, 01 thẻ Ngân hàng S1, 01 thẻ Ngân hàng TMCP Q1 (M).

Tiếp theo, khoảng 13 giờ 50 phút ngày 20/10/2023, Công an huyện B khám xét chỗ ở của Trần Thị Hồng Đ1, tại nhà không số, ấp A, xã V, huyện B, TP ., thu giữ: 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,7413 gam, loại Methamphetamine, cùng một số dụng cụ sử dụng phân chia ma túy và 01 điện thoại di động hiệu Oppo.

Tất cả vật chứng là ma túy thu giữ của Nguyễn Tấn Đ và Trần Thị Hồng Đ1 đã được giám định tại Kết luận giám định số 11795/KL-KTHS ngày 27/10/2024 của Phòng K Công an Thành phố H (bút lục: 181, 182).

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận:

Nguyễn Tấn Đ và Nguyễn Đức T2; Nguyễn Tấn Đ và Trần Thị Hồng Đ1 có mối quan hệ bạn bè và thường giao dịch vay mượn tiền, liên lạc với nhau từ số điện thoại của Nguyễn Đức T2: 0325.681.221, số điện thoại của Đ: 0936.805.429, 0899729290 và số điện thoại của Đ1: 0383903879. Tháng 9/2023, Nguyễn Tấn Đ có nhu cầu mua ma túy để sử dụng và bán nên Nguyễn Đức T2 đặt mua ma túy từ đối tượng tên Đ ma, sử dụng tài khoản Telegram “Mía” (không rõ lai lịch) để bán cho Nguyễn Tấn Đ 02 lần. Sau khi mua được ma túy từ Nguyễn Đức T2, Đ bán cho Trần Thị Hồng Đ1 02 lần, số còn lại bị kiểm tra, thu giữ, cụ thể:

Lần thứ nhất: Tháng 9/2023, Nguyễn Tấn Đ đặt mua từ Nguyễn Đức T2 khoảng 80 gam ma túy, loại Methamphetamine, giá 20.700.000 đồng, thỏa thuận trả tiền sau, Nguyễn Đức T2 giao 80 gam ma túy Methamphetamine đến chỗ ở của Đ, tại 8 L, phường B, quận B, qua ứng dụng Grabbike. Trong số này, Đ bán cho Trần Thị Hồng Đ1 800.000 đồng (khoảng 03 gam ma túy Methamphetamine), Đ1 trả 600.000 đồng, còn nợ lại 200.000 đồng, số còn lại, Đ cất giấu tại nhà.

Lần thứ hai: Ngày 17/10/2023, Trần Thị Hồng Đ1 gọi điện thoại đến cho Nguyễn Tấn Đ đặt mua 04 hộp 10 (khoảng 40 gam) ma túy Methamphetamine, giá 11.200.000 đồng. Cùng ngày, Đ giao 40 gam ma túy đến nhà của Đ1, tại nhà không số, tổ A, ấp A, xã V, huyện B. Đ1 chuyển trả 10.000.000 đồng từ tài khoản 90000333373- M, tên Trần Thị Hồng Đ1 đến tài khoản 7370716061998 - M của Nguyễn Tấn Đ và ngày 18/10/2023, Đ1 chuyển trả tiếp từ tài khoản 990909270088- M của Đ1 đến tài khoản 7370716061998 - M của Đ: 1.400.000 đồng, gồm: 1.200.000 đồng mua ma túy ngày 17/10/2023 và 200.000 đồng còn lại trong lần mua từ tháng 9/2023.

Cùng trong ngày 17/10/2023, Nguyễn Tấn Đ liên lạc đặt mua từ Nguyễn Đức T2 500 gam ma túy, loại Methamphetamine, với giá 125.000.000 đồng. Khoảng 01 giờ sau, Nguyễn Đức T2 giao 500 gam ma túy, loại Methamphetamine đến chỗ ở của Đ, số H L, phường B, quận B, qua ứng dụng Grabbike, Đ chuyển trả từ tài khoản Nguyễn Tấn Đ, số G – M đến 02 tài khoản của Nguyễn Đức T2: số: 0563361795- Ngân hàng M1: 100.000.000 đồng và đến tài khoản 060302083188– Ngân hàng S1: 47.500.000 đồng, trong đó gồm 20.700.000 đồng trả cho lần mua vào tháng 9/2023. Đ chia số ma túy này thành 08 gói, gồm 02 gói: khoảng 100 gam/gói, 6 gói: khoảng 50 gam/gói và tại nhà còn 01 gói ma túy loại Methamphetamine (mua của T2 vào tháng 9/2023). Ngày 18/10/2023, Đ xếp tất cả 09 gói ma túy vào hộp carton đem theo đến lưu trú tại phòng 406 khách sạn T7, số A - A đường C, phường S, quận T. Ngày 19/10/2023, Nguyễn Tấn Đ, nhận cuộc gọi từ số điện thoại 0583688382 của một người phụ nữ đặt mua 100 gam ma túy, loại Methamphetamine, giá 29.000.000 đồng, hẹn giao đến đường V (không địa chỉ cụ thể), ấp C, xã V, huyện B. Tuy nhiên, khi Đ đang trên đường đem giao ma túy, thì bị bắt giữ.

Nguyễn Đức T2 khai nhận phù hợp lời khai của Nguyễn Tấn Đ về hành vi trong tháng 9/2023 và ngày 18/10/2023 đã bán ma túy Methamphetamine cho Nguyễn Tấn Đ 02 lần, cụ thể như trên. Số ma túy bán cho Nguyễn Tấn Đ do Nguyễn Đức T2 liên hệ Đ ma mua và yêu cầu giao trực tiếp qua địa chỉ của Nguyễn Tấn Đ.

Sau khi nhận tiền từ Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Đức T2 chuyển trả 120.000.000 đồng cho Đ ma từ tài khoản số 0563361795- Ngân hàng M1, tên Nguyễn Đức T2 đến tài khoản 39693456789- Ngân hàng T8 tên La Van C, do Đ ma cung cấp.

Trần Thị Hồng Đ1 khai nhận phù hợp lời khai của Nguyễn Tấn Đ:

Số ma túy mua tháng 9/2023, Trần Thị Hồng Đ1 sử dụng một phần và phân chia bán cho các đối tượng không rõ lai lịch.

Số ma túy mua ngày 17/10/2023, Trần Thị Hồng Đ1 chiết chia lại một ít ma túy Methamphetamine để dành bán lẻ, phần nhiều ma túy còn lại, tối ngày 18/10/2023, Đ1 giao bán cho đối tượng tên T6 (không rõ lai lịch) 04 hộp 10 (khoảng gần 40 gam) với giá 14.000.000 đồng (không nhớ địa điểm giao), T6 trả một phần tiền mặt và một phần chuyển đến tài khoản: 90000333373- M của Đ1.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H có văn bản yêu cầu xác minh gửi đến Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao- Bộ C1 đề nghị hỗ trợ cung cấp thông tin đăng ký mạng xã hội Telegram tài khoản “Mía”, tài khoản Zalo “Vấp ngã”; gửi văn bản đến cơ quan Bưu chính đề nghị cung cấp thông tin đăng ký, thời gian kích hoạt của số điện thoại 0583688382 và văn bản đến Ngân hàng TMCP T9 Đối với tài khoản tài khoản 39693456789- Ngân hàng T8, tên La Van C, nhưng đến nay chưa nhận được thông tin trả lời từ các đơn vị này.

*** Vật chứng vụ án, gồm:**

- 03 gói niêm phong, là ma túy còn lại sau giám định.

- Thu giữ của Nguyễn Tấn Đ, gồm:

+ 02 túi nylon màu trắng và 02 túi giấy bên đều không chứa gì, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 359237631391047; 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi, số IMEI: 869153064437343;

+ 01 xe mô tô biển số 59F1-380.37, hiệu SH, số khung: ZDCKF03B02F550444; số máy: HIKF03E0501594HKGG. Kết quả giám định số khung số máy nguyên thủy và do Phạm Thị Ánh H1 (sinh năm: 1983; nơi thường trú: A N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký. Tháng 8/2023, H1 bán xe này cho Nguyễn Tấn Đ, lập hợp đồng tại Phòng công chứng nhưng chưa sang tên người đăng ký.

- Thu giữ của Nguyễn Đức T2, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xanh, số Imei: 359984543445052, số thuê bao 0979489498; 01 thẻ số 060302083188- Ngân hàng S1; 01 thẻ số 9704222066111097- Ngân hàng M2; 02 điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI lần lượt là: 358547329120115 và 355487736129862.

-Thu giữ của Trần Thị Hồng Đ1, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, bị bể màn hình; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 02 kéo kim loại, 01 hộp quẹt gas, 01 muỗng bằng kim loại, 01 đoạn ống hút một đầu hàn kín, một đầu cắt nhọn, 01 cân điện tử và 09 túi nylon rỗng.

**Tại bản Cáo trạng số 951/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 21/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Tấn Đ và Nguyễn Đức T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025; truy tố bị cáo Trần Thị Hồng Đ1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.*

***Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:**

- Các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Đức T2 và Trần Thị Hồng Đ1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Đồng thời xin

Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, vì các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn khi không có công ăn việc làm ổn định và đều có con nhỏ đang trong độ tuổi ăn học.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm luận tội:* Sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án, trên cơ sở các chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như toàn bộ lời khai của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Đức T2 và Trần Thị Hồng Đ1 theo nội dung của bản Cáo trạng.

Về hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung 20.000.000 đồng.

Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T2 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung 20.000.000 đồng.

Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng Đ1 từ 16 năm đến 17 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng. Tổng hợp hình phạt với mức án 06 năm 06 tháng tù theo Bản án sơ thẩm số 290/2021/HS-ST của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo phải chấp hành một hình phạt chung của hai bản án là từ 22 năm 6 tháng đến 23 năm 6 tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và các dụng cụ sử dụng ma túy; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với các chiếc điện thoại mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và xử lý theo quy định của pháp luật đối với chiếc xe thu giữ của bị cáo Đ.

- Các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Đức T2 và Trần Thị Hồng Đ1 không tranh luận và đều đề nghị các luật sư bào chữa cho các bị cáo.

Luật sư Lê Thị Minh N trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn Đ: Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo như nội dung của bản Cáo trạng và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị, đồng thời trình bày thêm về hoàn cảnh phạm tội và nhân thân của bị cáo như bị cáo Đ có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo có vợ và 03 con, do có kinh tế không ổn định nên không thể lo được cho gia đình; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s

khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cũng như miễn hoặc giảm hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Tấn Đ đồng ý lời bào chữa của luật sư và không tranh luận bổ sung, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Lê Thành P trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T2: Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo về tội mua bán trái phép chất ma túy như nội dung của bản Cáo trạng. Tuy nhiên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như bị cáo T2 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có mẹ già và con nhỏ và bị cáo là lao động chính khi không có công việc ổn định, không có thu nhập nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt chính và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Đức T2 đồng ý lời bào chữa của luật sư và không tranh luận bổ sung, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Hoàng Văn Q trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Trần Thị Hồng Đ1: Luật sư thống nhất về tội danh, khung hình phạt đã áp dụng đối với bị cáo Trần Thị Hồng Đ1 như nội dung của bản Cáo trạng, cũng như về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Tuy nhiên, Luật sư cho rằng bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là phụ nữ khi chồng cũng đang đi tù, bản thân phải nuôi 04 con nhỏ dưới 15 tuổi, bản thân đang bị bệnh tim, gia đình có cha, mẹ già yếu nên đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng tuyên bị cáo mức án dưới mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo Trần Thị Hồng Đ1 đồng ý lời bào chữa của luật sư và không tranh luận bổ sung, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Đại diện Viện kiểm sát đối đáp:* Mức hình phạt chính và hình phạt bổ sung mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đề nghị như đã luận tội. Song về các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà các luật sư đề nghị thì do Hội đồng xét xử quyết định.

Qua nội dung đối đáp, các luật sư và đại diện Viện kiểm sát đều giữ nguyên quan điểm đã trình bày và cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Đức T2 và Trần Thị Hồng Đ1 đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong; biên bản mở niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định; kết luận giám định, lời khai của các bị cáo, biên bản đối chất và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu chứng cứ, vật chứng có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo này phù hợp với lời khai của bị cáo khác nên có đủ cơ sở để xác định như sau:

Vì động cơ vụ lợi, Nguyễn Tấn Đ và Nguyễn Đức T2; Nguyễn Tấn Đ và Trần Thị Hồng Đ1 có mối quan hệ bạn bè và thường giao dịch vay mượn tiền, liên lạc với nhau từ số điện thoại của Nguyễn Đức T2: 0325.681.221, số điện thoại của Đ: 0936.805.429, 0899729290 và số điện thoại của Đ1: 0383903879. Nguyễn Tấn Đ có nhu cầu mua ma túy để sử dụng và bán, nên đặt mua ma túy của Nguyễn Đức T2 và Nguyễn Đức T2 đã đặt mua ma túy từ đối tượng tên Đ ma, sử dụng tài khoản Telegram “Mía” (không rõ lai lịch) để bán cho Nguyễn Tấn Đ, sau khi mua ma túy của T2 thì Đ bán lại ma túy cho Trần Thị Hồng Đ1, cụ thể khoảng từ tháng 9/2023 và ngày 17/10/2023, Nguyễn Tấn Đ mua ma túy, loại Methamphetamine từ Nguyễn Đức T2 02 lần để bán cho Trần Thị Hồng Đ1 và một số đối tượng khác. Khối lượng ma túy Đ bị bắt quả tang có khối lượng 99,99 gam, loại Methamphetamine và thu giữ qua khám xét tại khách sạn T7 nơi Đ thuê để ở là có khối lượng 437,28 gam loại Methamphetamine, cùng số đã bán cho Trần Thị Hồng Đ1 trước đó khoảng 43 gam Methamphetamine, nên tổng khối lượng ma túy ở thể rắn mà Nguyễn Tấn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự là 580,27 gam loại Methamphetamine; do vậy, Nguyễn Đức T2 cũng phải chịu trách nhiệm đối với khối lượng ma túy ở thể rắn đã bán cho Nguyễn Tấn Đ vào tháng 9/2023 và ngày 18/10/2023 là 580,27 gam, loại Methamphetamine; Trần Thị Hồng Đ1 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số ma túy mua từ Nguyễn Tấn Đ vào tháng 9/2023 (03 gam) và ngày 17/10/2023 (40 gam) thành tổng khối lượng ma túy ở thể rắn là 43 gam, loại Methamphetamine, sau khi mua ma túy của Đ thì Đ1 đã bán cho đối tượng tên T6 khoảng 40 gam và các đối tượng (không rõ lai lịch) khác, còn lại 0,7413 gam ma túy, loại Methamphetamine, bị thu giữ khi khám xét.

Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025, thì tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có quy định hình phạt cao nhất là tử hình, nặng hơn so với tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 có hình phạt cao nhất là tù chung thân. Vì vậy, để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Đức T2, thì hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” của các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Đức T2 thuộc trường hợp: “Methamphetamine có khối lượng từ 100 gam đến dưới 03

kilogram”, được áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

Hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” của Trần Thị Hồng Đ1 thuộc trường hợp: “Methamphetamine có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam”. Nên tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

[2] Các bị cáo đều là những người đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đặc biệt nghiêm trọng đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy. Các bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý phạm tội, thể hiện ý thức coi thường và bất chấp pháp luật. Hành vi của các bị cáo là một trong những nguyên nhân dẫn đến làm tăng tệ nạn nghiện ngập ma túy, tạo tiền đề phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác, do đó cần có mức hình phạt thật sự nghiêm khắc đối với tất cả các bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Tấn Đ nhiều lần phạm tội thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Nguyễn Đức T2 chưa được xóa án tích lại phạm tội mới thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” và nhiều lần phạm tội thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Trần Thị Hồng Đ1 chưa được xóa án tích lại phạm tội mới thuộc trường hợp “Tái phạm” và nhiều lần phạm tội thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay và tại cơ quan điều tra, các bị cáo đều khai báo thành khẩn và có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo Trần Thị Hồng Đ1 có 04 con còn nhỏ dưới 15 tuổi, hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo Nguyễn Tấn Đ và Nguyễn Đức T2 đều không có việc làm ổn định, đều có con nhỏ hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trên đây là các tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ để Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với mỗi bị cáo.

[3] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Đức T2 và Trần Thị Hồng Đ1 đều phạm tội khi đều có nhân thân xấu, lần phạm tội này của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trên cơ sở tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy chưa cần thiết phải cách ly vĩnh viễn các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Đức T2, song cần thiết phải bắt các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Đức T2 và Trần Thị Hồng Đ1 chấp hành

hình phạt tù trong trại giam một thời gian nhất định theo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra và cũng để cho các bị cáo có đủ thời gian tự cải tạo, rèn luyện trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật, và cũng là để răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Đồng thời tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Hồng Đ1 theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với Bản án sơ thẩm số 290/2021/HS-ST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) đã xử phạt 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 01 năm 06 tháng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt là 06 năm 06 tháng tù.

[4] Ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung theo khoản 6 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 đối với các bị cáo vì các bị cáo có hành vi mua bán ma túy và đã thu lợi bất chính, cần buộc các bị cáo nộp phạt bổ sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: bị cáo Nguyễn Tấn Đ phải nộp số tiền phạt bổ sung là 10.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Đức T2 phải nộp số tiền phạt bổ sung là 10.000.000 đồng và miễn hình phạt bổ sung đối với Trần Thị Hồng Đ1. Đồng thời không buộc các bị cáo phải nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính, do không xác định được số tiền chính xác.

[5] Đối với đối tượng tên Đạt ma, T6, người phụ nữ sử dụng số điện thoại 0583688382, hiện chưa xác định được lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục truy tìm, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau. Hội đồng xét xử đề nghị tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ để xử lý theo các quy định của pháp luật, tránh bỏ lọt người phạm tội.

Đối với việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H có văn bản yêu cầu xác minh gửi đến Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao - Bộ C1 đề nghị hỗ trợ cung cấp thông tin đăng ký mạng xã hội Telegram tài khoản “Mía”, tài khoản Zalo “Vấp ngã”; gửi văn bản đến cơ quan Bưu chính đề nghị cung cấp thông tin đăng ký, thời gian kích hoạt của số điện thoại 0583688382 và văn bản đến Ngân hàng TMCP T9 Đối với tài khoản tài khoản 39693456789 - Ngân hàng T8, tên La Van C, nhưng đến nay chưa nhận được thông tin trả lời từ các đơn vị này. Hội đồng xét xử đề nghị tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ để xử lý theo các quy định của pháp luật, tránh bỏ lọt người phạm tội.

Đối với Trần Thị Cẩm T1 (vợ của Nguyễn Tấn Đ), kết quả điều tra xác định T1 không biết Nguyễn Tấn Đ cất giữ ma túy để bán và không giúp sức cho Nguyễn Tấn Đ mua bán ma túy, nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy là phù hợp, nên không xem xét và đề cập đến.

[6] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Đức T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 4 Điều

251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025; truy tố Trần Thị Hồng Đ1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có cơ sở để chấp nhận, đồng thời, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị về hình phạt đối với các bị cáo, cũng như chấp nhận một phần về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và xử lý vật chứng.

Lập luận trên đây là cơ sở để chấp nhận lời bào chữa của các luật sư đã bào chữa cho các bị cáo về hoàn cảnh gia đình để áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm một phần hình phạt bổ sung dưới mức mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị cho các bị cáo Nguyễn Tấn Đ và Nguyễn Đức T2, đồng thời chấp nhận lời bào chữa của luật sư đã bào chữa cho bị cáo Trần Thị Hồng Đ1 để xét xử bị cáo Trần Thị Hồng Đ1 mức án dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cũng như miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Trần Thị Hồng Đ1.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các luật sư bào chữa cho các bị cáo xuất trình tài liệu chứng cứ phù hợp với các quy định của pháp luật; các luật sư, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện cơ bản đều hợp pháp.

[8] Các vấn đề khác:

[8.1] *Về vật chứng của vụ án:*

- Đối với các vật chứng gồm: 03 gói niêm phong, là ma túy còn lại sau giám định; 02 túi nylon màu trắng và 02 túi giấy bên trong đều không chứa gì, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 02 kéo kim loại, 01 hộp quẹt gas, 01 muỗng bằng kim loại, 01 đoạn ống hút một đầu hàn kín, một đầu cắt nhọn, 01 cân điện tử và 09 túi nylon rỗng. Hội đồng xét xử thấy các vật chứng không được phép lưu hành và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với các đồ vật thu giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI: 359237631391047 và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi, số IMEI: 869153064437343 thu giữ của Nguyễn Tấn Đ; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xanh, số Imei: 359984543445052, số thuê bao 0979489498 và điện thoại di động hiệu Iphone, số IMEI lần lượt là: 358547329120115 và 355487736129862 thu giữ của Nguyễn Đức T2; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, bị bể màn hình thu giữ của Trần Thị Hồng Đ1; 01 cân điện tử. Hội đồng xét xử thấy đây là phương tiện các bị cáo dùng để phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- Đối với 01 xe mô tô biển số 59F1-380.37, hiệu SH, số khung: ZDCKF03B02F550444; số máy: HIKF03E0501594HKGG. Kết quả giám định số khung số máy nguyên thủy và do Phạm Thị Ánh H1 (sinh năm: 1983; nơi thường

trú: A N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký. Tháng 8/2023, bà H1 bán xe này cho Nguyễn Tấn Đ, lập hợp đồng tại Phòng công chứng nhưng chưa sang tên người đăng ký. Hội đồng xét xử thấy đây là phương tiện bị cáo dùng để phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

- Trả lại Nguyễn Đức T2, gồm: 01 thẻ số 060302083188- Ngân hàng S1 và 01 thẻ số 9704222066111097 - Ngân hàng M2;

[8.2] *Về án phí*: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

[8.3] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về hình phạt:

1.1/ Căn cứ điểm b khoản 4 và khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ: 20 (Hai mươi) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 19/10/2023.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn Đ phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

1.2/ Căn cứ điểm b khoản 4 và khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T2: 20 (Hai mươi) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 19/10/2023.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T2 phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

1.3/ Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng Đ1: 15 (Mười lăm) năm 06 (S) tháng tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt với Bản án sơ thẩm số 290/2021/HS-ST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) đã xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, 01 năm 06 tháng về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tổng hợp hình phạt là 06 năm 06 tháng tù. Thì bị cáo Trần Thị Hồng Đ1 phải chịu hình phạt chung của hai bản án là 22 (Hai mươi hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 19/10/2023.

2/ *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; căn cứ khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

2.1/ Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 gói niêm phong số 11795 (2290)/23 (gói 1), bên ngoài có chữ ký của giám định viên Bùi Công D, cán bộ điều tra Nguyễn Duy A, bên trong là mẫu còn lại sau giám định; 01 hộp giấy niêm phong số 11795 (2290)/23 (gói 2), bên ngoài có chữ ký của giám định viên Bùi Công D, cán bộ điều tra Nguyễn Duy A, bên trong là mẫu còn lại sau giám định; 01 gói niêm phong số 11821 (2302)/23, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Võ La Bảo Y, cán bộ điều tra Nguyễn Duy A, bên trong là mẫu còn lại sau giám định; 01 túi nylon màu trắng bên trong không chứa gì; 01 túi giấy bên trong không chứa gì; 01 hộp giấy bên trong không chứa gì; 01 túi nylon bên trong không chứa gì; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 02 cây kéo bằng kim loại; 01 quạt gas; 01 muỗng bằng kim loại; 01 đoạn ống hút một đầu hàn kín, một đầu cắt nhọn; 09 túi nylon bên trong không chứa gì.

2.2/ Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, imei: 359237631391047.(thực nhận 01 đtdd kiểu dáng Iphone màu xanh, Imei khay sim 359237631391047, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi, imei: 869153064437343.(không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại di động hiệu Iphone, imei: 358547329120115.(thực nhận 01 đtdd kiểu dáng Iphone màu tím, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại di động hiệu Iphone, imei: 355487736129862.(thực nhận 01 đtdd kiểu dáng Iphone màu xanh dương, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 điện thoại di động hiệu Oppo (bị bể màn hình).(không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong); 01 cân điện tử.

-01 Xe hai bánh gắn máy; Nhãn hiệu: HONDA ; Số loại: @150; Dung tích xi lanh: 153cm³ ; BS:59F1 - 380.37 ; SK:ZDCKF03B02F550444 (số cà mờ , rỉ sét, ghi theo KLGD xe) ; SM:HIKF03E0501594HIKGG (yên rách, không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra được).

2.3/ Trả lại Nguyễn Đức T2, gồm: 01 thẻ ngân hàng S1 số 060302083188 và 01 thẻ ngân hàng M số 9704222066111097.

(Các vật chứng nêu trên được liệt kê theo Biên bản giao nhận tang vật số 2026/091 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H).

3/ Về kiến nghị: Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục điều tra xác minh đối với đối tượng tên Đ ma, T6, người phụ nữ sử dụng số điện thoại 0583688382; các tài khoản đăng ký mạng xã hội Telegram tài khoản

“Mía”, tài khoản Zalo “Vấp ngã”, thông tin đăng ký, thời gian kích hoạt của số điện thoại 0583688382 và đối với tài khoản 39693456789 Ngân hàng TMCP T10, tên La Van C để tránh bỏ lọt người phạm tội.

4/ *Về án phí*: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Các bị cáo Nguyễn Tân Đ, Nguyễn Đức T2 và Trần Thị Hồng Đ1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5/ *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

- Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 25/11/2025) để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo về quyền lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- CQ THAHS CA.TP.HCM (3)
- CQCSĐT – CA.TP.HCM; (1)
- Trại tạm giam; (3)
- Bị cáo; (3)
- THADS TPHCM; (1)
- Đường sự; (1)
- Luật sư (3)
- P. PV06 - CA TPHCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (31) (8)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hồng Sơn

